TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA DU LỊCH

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Ngoại ngữ 2 – Pháp 1 (French 1)		
Mã học phần:	71TOUR10043	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	232_71TOUR10043_01		
Hình thức thi: **Trắc nghiệm kết hợp Tự luận**	Thời gian làm bài:	**60**	phút
Thí sinh được tham khảo tài liệu:	☐ Có	☒ Không	

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
CLO 1	Vận dụng kiến thức về văn hóa và ngôn ngữ Pháp vào trong hoạt động kinh doanh khách sạn và nghiên cứu du lịch.	Trắc nghiệm	25%	1, 2, 3, 7, 9, 10, 12, 13, 14	2,25
CLO 2	Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan trong môi trường đa dạng, đa văn hoá và đạt chuẩn tiếng Pháp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Trắc nghiệm, tự luận	75%	Trắc nghiệm: 4,5,6,8,11,15,16,17,18,19,20 Tự luận: 1,2,3	7,75

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (*20 câu , 0.25đ/câu*)

Đáp án mặc định: ANSWER : A

Để bắt đầu một đoạn hội thoại, bạn sử dụng mẫu câu gì? (0,25 điểm)
A. Bonjour!
B. Bonne journée!
C. Au revoir.
D. Merci.
ANSWER : A

Để trả lời cho câu "*Vous avez quel âge*? ", bạn sử dụng mẫu câu nào? (0,25 điểm)

A. J'ai 20 ans.
B. Il a 20 ans.
C. Vous avez 20 ans.
D. Je m'appelle Tammy.
ANSWER : A

Điền vào chỗ trống: (0,25 điểm)
Nous …….. japonais.
A. sommes
B. êtes
C. avons
D. sont
ANSWER : A

Điền vào chỗ trống: (0,25 điểm)
Nous avons ……. livre.
A. un
B. une
C. des
D. le
ANSWER : A

Đây là cách viết của số nào: *quatre-vingt-seize* (0,25 điểm)
A. 96
B. 26
C. 93
D. 86
ANSWER : A

Điền vào chỗ trống: (0,25 điểm)
Taylor Swift, elle est ……
A. chanteuse
B. danseur

C. cuisinier
D. étudiant
ANSWER : A

Điền vào chỗ trống: (0,25 điểm)
Marie et Antoine …….. chaud.
A. ont
B. sommes
C. êtes
D. a
ANSWER : A

Số *76* được viết như thế nào ? (0,25 điểm)
A. soixante-six
B. soixante-dix-six
C. soixante-seize
D. soixante-treize
ANSWER : A

Điền vào chỗ trống: (0,25 điểm)
Ma copine, Tammy, elle est ……
A. espagnole
B. américain
C. anglais
D. chinois
ANSWER : A

Điền câu tiếp theo vào đoạn hội thoại: (0,25 điểm)
Pierre: Salut, ça va ?
Marie: Salut, non, ça ne va pas. Je suis ……
A. triste
B. heureux
C. content
D. professeur
ANSWER : A

Điền vào chỗ trống: (0,25 điểm)
Vous avez des lunettes. Ce sont ……. lunettes.
A. vos
B. votre
C. notre
D. nos
ANSWER : A

Điền vào chỗ trống: (0,25 điểm)

Céline: Vous parlez quelles langues ?
John: Je parle ……,…… et ……..
A. allemand, espagnol et français.
B. japonais, française et anglais.
C. chinois, espagnole et français.
D. anglaise, vietnamien et français.
ANSWER : A

Chọn đáp án sử dụng đúng *mạo từ xác định*. (0,25 điểm)
A. Les États-Unis
B. Le Angleterre
C. La Vietnam
D. Le Chine
ANSWER : A

Chọn câu đúng để trả lời cho câu hỏi sau : "*Vous vous appelez comment?*" (0,25 điểm)
A. Nous sommes Pierre et Marie.
B. Elles sont Pierre et Marie.
C. Ils sont chinois.
D. Tu t'appelles Pierre et Marie.
ANSWER : A

Chọn từ **<u>không</u>** nằm cùng nhóm với các từ sau : *des lunettes, une table, un stylo, une trousse* (0,25 điểm)
A. une chanteuse
B. une gomme
C. un crayon
D. un cahier
ANSWER : A

Điền vào chỗ trống : *……. est votre nationalité?* (0,25 điểm)
A. Quelle
B. Quel
C. Quels
D. Quelles
ANSWER : A

Điền vào chỗ trống: (0,25 điểm)
Tu as une chaise. C'est ……chaise.
A. ta
B. mon
C. ton
D. ma
ANSWER : A

Điền vào chỗ trống: (0,25 điểm)
Jean: Bonjour, tu t'appelles comment ?

Ludivine: ……., c'est Ludivine.
A. Moi
B. Lui
C. Elle
D. Toi
ANSWER : A

Điền vào chỗ trống: (0,25 điểm)
Elles ont des livres. Ce sont …… livres.
A. leurs
B. ses
C. son
D. leur
ANSWER : A

Chọn từ được chia theo giống cái đúng của "acteur" (0,25 điểm)
A. actrice
B. acteuse
C. acteure
D. acteur
ANSWER : A

PHẦN TỰ LUẬN

Câu hỏi 1: Điền các câu hỏi cho các câu trả lời sau: (1 điểm)

a)…….. ? (0,5 điểm)
- Moi, c'est Louis.

b). …… ? (0,5 điểm)
- Je suis chanteuse.

Câu hỏi 2: Trả lời các câu hỏi sau bằng một câu phủ định. (1 điểm)
Exemple: *Vous êtes japonais ?*
- *Non, je ne suis pas japonais.*

a) Céline, elle a chaud ? (0,5 điểm)

→……..

b) Elles parlent vietnamien ? (0,5 điểm)

→……..

Câu hỏi 3: Viết một đoạn văn giới thiệu về 1 thành viên trong gia đình. Đoạn văn cần phải cung cấp thông tin về *tên, tuổi, quốc tịch, nói những ngôn ngữ nào, nghề nghiệp* của thành viên đó. (3 điểm)

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		**5.0**	
Câu 1 – 20	A	0.25 X 10	
II. Tự luận		**5.0**	
Câu 1.a):	Các đáp án được chấp nhận: - Tu t'appelles comment? - Comment tu t'appelles? - Vous vous appelez comment? - Comment vous vous appelez?	0.5	Mỗi lỗi chính tả trừ 0,05đ.
Câu 1.b):	Các đáp án được chấp nhận: - Quelle est votre/ta profession? - Vous faites quoi dans la vie? - Tu fais quoi dans la vie? Các câu hỏi thể hiện được nội dung và đúng cấu trúc ngữ pháp vẫn được chấp nhận.	0.5	Mỗi lỗi chính tả trừ 0,05đ.
Câu 2.a):	Các đáp án được chấp nhận: - Non, elle n'a pas chaud. - Non, Céline n'a pas chaud. - Đáp án trả lời "Non" kèm một cảm giác khác có thể nói. Vd: Non, elle a froid.	0.5	- Sai chủ từ nhưng chia đúng thể phủ định : - 0,25đ. - Mỗi lỗi chính tả trừ 0,05đ.
Câu 2.b):	Các đáp án được chấp nhận: - Non, elles ne parlent pas vietnamien. - Đáp án trả lời "Non" kèm một ngôn ngữ khác có thể nói. Vd: Non, mais elles parlent chinois.	0.5	- Sai chủ từ nhưng chia đúng thể phủ định : - 0,25đ. - Mỗi lỗi chính tả trừ 0,05đ.
Câu 3:	Đáp án mẫu của đoạn văn: Ma mère s'appelle Céline. Elle a 50 ans. Elle est française. Elle parle anglais, italien et français. Elle est professeur.	3.0	- Mỗi thông tin đúng sẽ được chấm 0,6đ.

			- Chia sai chủ từ : trừ một lần cho cả bài:1đ. - Chia sai động từ: mỗi lỗi trừ 0,25đ. - Mỗi lỗi chính tả trừ 0,05đ.
	Điểm tổng	**10.0**	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2024

Người duyệt đề	**Giảng viên ra đề**
Nguyễn Thị Ngọc Linh	**Đỗ Tuyết Băng Tâm**